TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: *19-3- 2020*
V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Đất Nốt, xã H, huyện S, tỉnh Đắc Nông

2. *Bị đơn*: Anh Phú L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Đồng Tâm, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 01 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Phú L chung sống với nhau vào năm 2007 không đăng ký kết hôn vì không hiểu biết pháp luật. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cải vã xô xát, xúc phạm nhau. Năm 2015 anh L từng nộp đơn xin ly hôn nhưng do mâu thuẫn chị B bỏ đi nên anh L rút đơn. Chị B, anh L đã sống ly thân hơn 3 năm nay. Nay chị B nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Phú L1 sinh ngày 07/12/2008 và Phú H sinh ngày 10/4/2014, hiện các con đang sống cùng anh L. Nay ly hôn về con chung chị B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/02/2020 bị đơn anh Phú L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L thống nhất với chị B về việc vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do cuộc sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh L đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng do chị B không về giải quyết nên anh L rút đơn về. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị B thì anh L đồng ý ly hôn

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Phú L1 sinh ngày 07/12/2008 và Phú H sinh ngày 10/4/2014, hiện con đang sống cùng anh L. Anh L thống nhất với chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L thống nhất không yêu cầu tòa giải quyết

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Chị Hoàng Thị B và bị đơn anh Phú L có đơn xin xét xử vắng mặt, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án các đơn sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các 70, 71, 72 và Điều 234 của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy chị Hoàng Thị B và anh Phú L chung sống với nhau vào năm 2007 không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Vì vậy căn cứ vào Điều 9, điều 14, điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên không công nhận anh L, chị B là vợ chồng

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên cũng không đề cập.

Về án phí: Đề nghị HĐXX xem xét nghĩa vụ nộp án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1)}Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Hoàng Thị B, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôn

theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bị đơn anh Phú L hiện đang sinh sống tại Tổ 1, ấp Đồng Tâm, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Hoàng Thị B và anh Phú L có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{2}Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy:

{2.1}Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Phú L chung sống với nhau vào năm 2007 không đăng ký kết hôn vì không hiểu biết pháp luật. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cải vã xô xát, xúc phạm nhau. Năm 2015 anh L từng nộp đơn xin ly hôn nhưng do mâu thuẫn chị B bỏ đi nên anh L rút đơn. Chị B, anh L đã sống ly thân hơn 3 năm nay. Lời trình bày của chị B cũng được anh L thừa nhận. Xét thấy, chị B, anh L chung sống với nhau vào năm 2007 không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên chị B, anh L không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó cần căn cứ vào Điều 14, điều 53 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Hoàng Thị B và anh Phú L là vợ chồng

{2.2}Về nuôi con chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu

{2.3}Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị B không yêu cầu giải quyết.

{2.4}Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn chị B phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, 51, 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận chị Hoàng Thị B và anh Phú L là vợ chồng.

2.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Hoàng Thị B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0004008 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh